

Số: 01/2023/QĐCNTTLH

TP. Trà Vinh, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc “*ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung*” đề ngày 15 tháng 8 năm 2022 của ông Hồ Minh T.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:
 - Người khởi kiện: Ông **Hồ Minh T**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: khóm 7, phường 8, thành phố T, tỉnh T.
 - Người bị kiện: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1986;
Địa chỉ: khóm 7, phường 8, thành phố T, tỉnh T.
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: khóm 2, phường 8, thành phố T, tỉnh T.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 12 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

Người khởi kiện ông Hồ Minh T và người bị kiện bà Nguyễn Thị Ngọc T với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng xác định có 02 người con chung tên là: Hồ Nguyễn Phúc N, sinh ngày 12/12/2007 và Hồ Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 25/7/2016. Ông T và bà T thỏa thuận thống nhất

theo nguyện vọng của các con chung là giao con chung Hồ Nguyễn Nguyên K cho ông Hồ Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Giao con chung Hồ Nguyễn Phúc N cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng thống nhất xác định ông, bà có tài sản chung bao gồm:

1/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 811, tờ bản đồ số 12, diện tích 150m², đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm 7, phường 8, thành phố T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 023483 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 25/01/2018 cho ông Hồ Minh T đứng tên;

2/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 812, tờ bản đồ số 12, diện tích 302,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm 7, phường 8, thành phố T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 023484 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 25/01/2018 cho ông Hồ Minh T đứng tên;

Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì 02 thửa đất nêu trên ghi địa chỉ của thửa đất là khóm 6, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, là do ghi nhầm. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì xác định thực tế địa chỉ 02 thửa đất nêu trên là khóm 7, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3/ Phòng trọ: gồm có 14 căn phòng trọ gắn liền với 02 thửa đất nêu trên, gồm có 02 dãy phòng trọ (dãy 10 phòng trọ và dãy 04 phòng, các phòng trọ đều có kích thước mỗi phòng là 3m x 5m = 15m²).

4/ Mái hiên phòng trọ có kết cấu đỡ bằng sắt, mái tol có kích thước: (2m x 37m) + (5m x 2m).

Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng thỏa thuận thống nhất xác định toàn bộ tài sản chung nêu trên có giá trị là: 3.200.000.000 đồng (*ba tỷ hai trăm triệu đồng*). Bà T tự nguyện đồng ý thống nhất giao toàn bộ tài sản nêu trên cho ông Hồ Minh T toàn quyền sở hữu và định đoạt, đồng thời ông Hồ Minh T phải hoàn lại cho bà Thảo 50% giá trị tài sản chung nêu trên với số tiền tổng cộng là 1.600.000.000 đồng (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*) và chia thành hai đợt giao tiền cụ thể như sau:

Đợt 1: Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 26/12/2022 thì ông Hồ Minh T có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*). Trong thời gian ông T chưa giao đủ số tiền 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*) này cho bà T thì bà T vẫn được quyền quản lý, sử dụng và thu tiền cho thuê nhà trọ đối với các tài sản trên. Khi nào ông Hồ Minh T thực hiện xong nghĩa vụ giao đủ số tiền là 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Ngọc T thì bà Nguyễn Thị Ngọc T có

nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản nêu trên cho ông Hồ Minh T được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt tài sản. Đồng thời ông Hồ Minh T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục được cấp quyền sở hữu tài sản cho ông Hồ Minh T đứng tên đối với các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

Đợt 2: Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 26/4/2023 thì ông Hồ Minh T có nghĩa vụ tiếp tục giao đủ số tiền giá trị tài sản chung là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) còn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về nợ chung: Nguyên đơn ông Hồ Minh T với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T có ý kiến là các bên tự thỏa thuận với nhau. Bà T không có yêu cầu độc lập trong vụ việc này. Khi nào có tranh chấp, bà T sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng). Ông Hồ Minh T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí này, được căn trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 2.000.000 đồng, số tiền còn dư là 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) ông Hồ Minh T đã được nhận lại xong.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND P16, Q8, TP HCM;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Trang